

Số: 455/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 25 tháng 5 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Điện Biên**  
**giai đoạn 2017-2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 69/QĐ-BNN-VP ngày 9 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 931/TTr-SNN ngày 18/5/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017-2020.

**Điều 2.** Nhiệm vụ của các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

**1. Các Sở, ngành thành viên Ban chỉ đạo**

a) Chủ trì xây dựng ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện tiêu chí và các thủ tục đánh giá, thẩm định các chỉ tiêu, tiêu chí theo hướng dẫn của các Bộ, ban, ngành Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế triển khai tại địa phương.

b) Theo dõi, đánh giá, kiểm tra giám sát việc thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí của các xã trên địa bàn tỉnh.

c) Thẩm định, đánh giá các tiêu chí của các xã theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới đối với các xã thực hiện nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

## 2. Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh

a) Tổng hợp, đôn đốc các Sở, ngành xây dựng hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2017-2020.

b) Phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp kết quả đánh giá các tiêu chí của các xã xây dựng nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Điện Biên giai đoạn 2017-2020.

c) Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố trong công tác thẩm tra, thẩm định và hoàn thiện hồ sơ trình công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm theo đúng quy định của Trung ương và của tỉnh.

## 3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Trên cơ sở nội dung của một số tiêu chí và hướng dẫn của các Sở, ngành để đánh giá từng tiêu chí của các xã trên địa bàn theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới của tỉnh giai đoạn 2017-2020, chủ động chỉ đạo triển khai đến các phòng, ban trực thuộc, Ủy ban nhân dân các xã và nhân dân biết, tổ chức triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng nông thôn mới tỉnh; các thành viên Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2016-2020; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *lul*

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐTW CTMTQG XDNTM;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT; (B/c)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- LĐ UBND tỉnh;
- LĐVP, CV các khối;
- Lưu: VT, KTN<sub>(NNT)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Mùa A Sơn**

**ĐỀ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH ĐIỆN BIÊN GIAI ĐOẠN 2017-2020**

Ban hành theo Quyết định số 455/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Điện Biên



Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng	
				Xã 135 [4]	Xã còn lại
1	2	3	4	5	6
<b>I. QUY HOẠCH</b>					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã[1] được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>					
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	100%	100%
		2.2. Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm			
		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	85%	80%	90%
		- Tỷ lệ đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản được cứng hóa	45%	≥40%	≥50%
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa	Đạt	Đạt	Đạt
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	Đạt	Đạt	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu chủ động			
		3.1.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất lúa 2 vụ được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ	≥75%	≥70%	≥80%
		3.1.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất lúa 1 vụ được tưới chủ động đạt tỷ lệ	≥40%	≥40%	≥40%
		3.1.3. Tỷ lệ đất nương, đất bãi phải có bờ hoặc thành ruộng cận đạt tỷ lệ	≥60%	≥60%	≥60%
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng	
				Xã 135 [4]	Xã còn lại
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥95%	≥95%	≥95%
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥70%	≥70%	≥70%
6	Cơ sở vật chất văn hóa	<b>Xã đạt tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</b>			
		<b>I. Đối với các xã xây dựng mới Cơ sở vật chất văn hóa</b>			
		6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt	Đạt
		6.1.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của khu vực	Đạt	Đạt	Đạt
		- Có diện tích đất quy hoạch.	≥300m <sup>2</sup>	≥300m <sup>2</sup>	≥300m <sup>2</sup>
		- Có đủ phòng chức năng theo quy định (phòng hành chính; đọc sách, báo, thư viện; thông tin truyền thanh; cầu lạc bộ; hoặc tập các môn thể thao đơn giản)	3 - 4 phòng	3 phòng	4 phòng
		- Đảm bảo chỗ ngồi tối thiểu theo quy định vùng.	125 chỗ ngồi	100 chỗ ngồi	150 chỗ ngồi
		- Đảm bảo trang thiết bị hoạt động (bàn, ghế, giá, tủ, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh; dụng cụ thể dục thể thao đảm bảo theo công trình TDTT và các môn thể thao của từng xã)	Đạt	Đạt 80%	Đạt
		- Có cán bộ quản lý nhà văn hóa.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.1.2. Khu thể thao (chưa tính sân vận động) đạt chỉ tiêu theo vùng [5]	≥1200m <sup>2</sup>	≥500m <sup>2</sup>	≥1200m <sup>2</sup>
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định[2]	Đạt	Đạt	Đạt
		- Diện tích điểm vui chơi, giải trí và thể thao.	≥300m <sup>2</sup>	≥300m <sup>2</sup>	≥300m <sup>2</sup>
		- Đảm bảo các trang thiết bị hoạt động vui chơi, giải trí, thể dục thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	Đạt	Đạt	Đạt

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng	
				Xã 135 [4]	Xã còn lại
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản và liên thôn bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	100%	100%	100%
		<b>II. Đối với các xã sử dụng cơ sở vật chất văn hóa hiện có</b>			
		Đối với các địa phương gặp khó khăn trong việc bố trí diện tích đất và huy động các nguồn lực để xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn thì tạm thời sử dụng các cơ sở vật chất hiện có như hội trường, trung tâm học tập cộng đồng, đình làng, nhà văn hóa liên thôn, bản để sinh hoạt văn hóa vẫn được tính đạt tiêu chí về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa.	Đạt	Đạt	Đạt
		<b>I. Đối với xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, xã đạt tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn khi đáp ứng một trong các yêu cầu sau:</b>			
		<b>1. Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa đáp ứng chỉ tiêu sau:</b>	Đạt	Đạt	Đạt
		- Chợ phải có trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Đạt	Đạt	Đạt
		- Về diện tích, mặt bằng chợ: có mặt bằng chợ phù hợp với quy mô hoạt động chợ (bố trí đủ diện tích cho các hộ kinh doanh cố định, không cố định và các dịch vụ tối thiểu tại chợ; diện tích tối thiểu cho một điểm kinh doanh trong chợ là 3m <sup>2</sup> )	Đạt	Đạt	Đạt
		- Nhà chợ chính phải bảo đảm kiên cố hoặc bán kiên cố.	Đạt	Đạt	Đạt
		- Các hạng mục phụ trợ và kỹ thuật công trình đảm bảo theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		- Điều hành quản lý chợ đảm bảo theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		<b>2. Có siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn</b>	Đạt	Đạt	Đạt
		2.1. Siêu thị mini đạt chuẩn. Có diện tích kinh doanh từ 200m <sup>2</sup> và có bãi để xe với quy mô phù hợp; danh mục hàng hóa kinh doanh từ 500 tên hàng trở lên	Đạt	Đạt	Đạt

7

Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng	
				Xã 135 [4]	Xã còn lại
		2.2. Cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp. <i>Có diện tích kinh doanh tối thiểu từ 50m<sup>2</sup> trở lên và có nơi để xe với quy mô phù hợp; danh mục hàng hóa kinh doanh từ 200 tên hàng trở lên</i>	Đạt	Đạt	Đạt
		<b>II. Đối với xã chưa có hoặc không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:</b>			
		<i>Xã có quy hoạch cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng hoặc xã không có trong quy hoạch cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thì sẽ không xem xét Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Việc xem xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới được thực hiện trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới.</i>	-	-	-
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và đạt tỷ lệ hệ thống loa đến các thôn	≥70%	≥60%	≥80%
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không	Không
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	≥75%	≥75%	≥75%
<b>III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người/năm):			
		Năm 2017 (triệu đồng/người)	≥26	≥26	≥26
		Năm 2018 (triệu đồng/người)	≥30	≥30	≥30
		Năm 2019 (triệu đồng/người)	≥33	≥33	≥33
		Năm 2020 (triệu đồng/người)	≥36	≥36	≥36

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng	
				Xã 135 [4]	Xã còn lại
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤12%	≤12%	≤12%
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥90%	≥90%	≥90%
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt
<b>IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>					
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp)	≥70%	≥70%	≥70%
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	≥25%	≥25%	≥25%
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	≥85%	≥85%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤26,7%	≤26,7%	≤26,7%
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	≥70%	≥70%
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	≥90%	≥90%	≥90%
			(≥50% nước sạch)	(≥50% nước sạch)	(≥50% nước sạch)
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	100%	100%
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm văn hóa từng dân tộc.	Đạt	Đạt	Đạt
	17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	

Số TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung của tỉnh	Chỉ tiêu theo vùng	
				Xã 135 [4]	Xã còn lại
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch[3]	≥70%	≥70%	≥70%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo VSMT	≥60%	≥60%	≥60%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP;	100%	100%	100%
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>					
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	100%	100%
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước	Đạt	Đạt	Đạt

**Ghi chú:**

- [1] Quy hoạch chung xây dựng xã phải đảm bảo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và đảm bảo tiêu chí môi trường nông thôn.
- [2] Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.
- [3] Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).
- [4] Theo Quyết định số: 204/QĐ-TTg ngày 01/2/2016 của Thủ tướng Chính Phủ V/v phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016.
- [5] Đối với các xã đã đạt nội dung 6.1.2 Khu thể thao (chưa tính sân vận động) xem như đã đạt nội dung 6.2 xã có điểm vui chơi cho trẻ em và người cao tuổi.
- [6] Cứng hóa: Là mặt đường được trải cấp phối có lu lèn bằng đất đồi lựa chọn, đá dăm, đá thải, gạch vỡ, gạch xi hoặc đường lát bằng gạch, đá xẻ, trải nhựa, trải bê tông.